



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

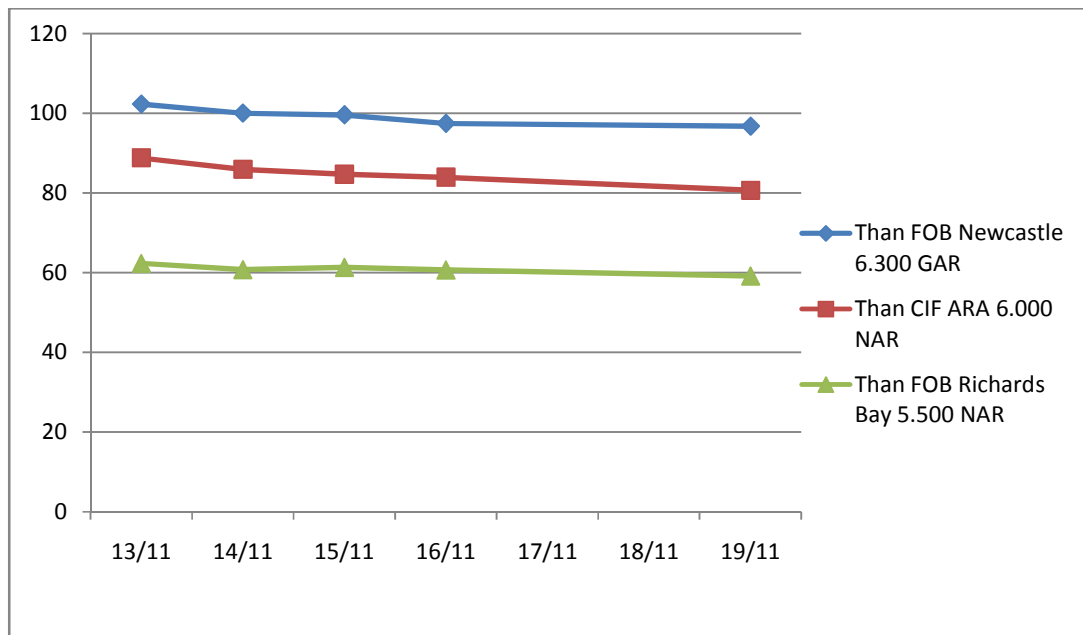
Ngày 20/11/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyển	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	96.75	-0.70	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	80.70	-3.25	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	59.20	-1.50	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	69.10	+0.00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	48.15	+0.00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	38.75	+0.00	268.03	-0.19
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	56.00	+0.00	387.35	-0.28
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	74.00	+0.00	511.85	-0.37

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 19/11/2018)

DIỂM TIN

Giá cước vận chuyển than đường biển của Trung Quốc giảm trong tuần đến ngày 13/11

Trong tuần đến ngày thứ 3 (13/11), giá cước vận chuyển than đường biển từ cảng Qinhuangdao phía Bắc Trung Quốc đến các cảng khác của Trung Quốc bao gồm Zhangjiagang, Shanghai và Guangzhou tại miền Đông và Nam đã giảm. Giá cước vận chuyển than đường biển từ Qinhuangdao đến Zhangjiagang, miền Đông tỉnh Jiangsu cho tàu 20.000-30.000 tấn giảm 1 NDT/tấn so với tuần trước đó xuống còn 45.60 NDT/tấn (tương đương 6.55 USD/tấn). theo thông tin từ cảng vận Qinhuangdao. Giá cước vận chuyển than đường biển từ Qinhuangdao đến Shanghai, miền Đông Trung Quốc cho tàu 40.000-50.000 tấn, giảm 1.30 NDT/tấn so với tuần trước xuống còn 37.4 NDT/tấn. Giá cước vận chuyển than đường biển từ Qinhuangdao đến Guangzhou miền Nam tỉnh Guangdong Trung Quốc cho tàu 50.000-60.000 tấn giảm 0.80 NDT/tấn so với tuần trước xuống còn 48.2 NDT/tấn. Tâm lý lo ngại về giá than nhiệt nội địa Trung Quốc đã khiến giá cước vận chuyển đường biển Trung Quốc giảm. Lượng than dự trữ tại cảng Qinhuangdao giữ ở mức 5.455 triệu tấn tính đến thứ 3 (13/11), giảm từ con số 5.715 triệu tấn của tuần trước đó. theo dữ liệu từ cảng vận.

Lượng than xuất khẩu vận chuyển qua đường sắt của Nga trong mười tháng đầu năm tăng 3% so với cùng kỳ năm ngoái

Công ty Đường sắt Russian Railways đã vận chuyển 119.1 triệu tấn than để phục vụ xuất khẩu trong mười tháng đầu năm 2018. Khối lượng than chiếm 47% trong tổng số 254 triệu tấn hàng hóa được vận chuyển để xuất khẩu trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 10. theo đại diện của Russian Railways. Khối lượng than được bốc dỡ trong giai đoạn này cao hơn 3% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong tháng 10, 11.68 triệu tấn than đã được Russian Railways vận chuyển, tăng 1.2% so với tháng 9. Lượng than xuất khẩu từ Nga trong mười tháng đầu năm đạt 159.93 triệu tấn, theo dữ liệu của Bộ Năng lượng Nga. Trong cùng kỳ, cảng Ust Luga, cảng xuất khẩu than lớn nhất phục vụ cho khu vực Baltic, đã xuất khẩu hơn 16.9 triệu tấn than, trong khi cảng Vostochny, cảng xuất khẩu than lớn nhất phục vụ cho khu vực Thái Bình Dương, đã xuất khẩu 20.4 triệu tấn than. theo dữ liệu từ cảng vận.

Khối lượng than vận chuyển bởi Indian Railways trong tháng 10 tăng 9% so với tháng 9

Trong tháng 10, Indian Railways đã vận chuyển 49.73 triệu tấn than, tăng 9% so với cùng kỳ năm ngoái. theo dữ liệu mới nhất được đưa ra bởi Tổng cục Kinh tế và Thống kê vào thứ 6 (12/11). Trong tổng lượng than được vận chuyển, 8.98 triệu tấn là than nhập khẩu, tăng 3.8% so với cùng kỳ năm trước, trong khi 40.75 triệu tấn là than nội địa, tăng 10.5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Khối lượng than nội địa được vận chuyển đến các nhà máy điện trong tháng 10 đạt 19.99 triệu tấn, tăng 8% so với tháng 9, trong khi khối lượng than nhập khẩu được vận chuyển đến các nhà máy nhiệt điện đạt 1.99 triệu tấn, tăng 24% so với năm ngoái. Khối lượng than nội địa vận chuyển đến các nhà máy luyện thép trong tháng 10 đạt 1.09 triệu tấn, giảm 5% so với cùng kỳ năm ngoái, trong khi khối lượng than nhập khẩu đạt 3.69 triệu tấn, tăng 4.5% so với tháng 10 năm 2017. Trong khi đó, khối lượng than nội địa được vận chuyển đến những hộ tiêu thụ khác đạt 19.66 triệu tấn trong tháng 10 và tăng 14% so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại khối lượng than nhập khẩu vận chuyển đến các hộ tiêu thụ khác đạt 3.30 triệu tấn, giảm 6% so với tháng 10 năm ngoái.

Trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 10, Indian Railways đã vận chuyển khoảng 338.05 triệu tấn than, tăng 11% so với cùng kỳ năm ngoái. Than chiếm 50% khối lượng hàng hóa vận chuyển bởi Indian Railways. Trong ngày 31/10, các công ty đường sắt Ấn Độ đã nâng cước phí vận chuyển hàng rời, trong đó có than, lên khoảng 9%. Tuy nhiên, công ty NPTC do nhà nước quản lý đã được miễn trừ phí này trong năm tài chính 2019-2020.

(Nguồn: www.platts.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
				Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	7.80	-0.10
	Queensland	Nhật Bản	9.20	-0.10
	New South Wales	Hàn Quốc	10.05	-0.10
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	13.10	-0.50
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8.55	-0.10
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	13.35	-0.50
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7.10	-0.10
	Australia	Trung Quốc	11.60	+0.00
	Australia	Ấn Độ	13.00	+0.00

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 19/11/2018)